

ỨNG DỤNG TƯ DUY THIẾT KẾ TRONG HỌC TẬP PHỤC VỤ CỘNG ĐỒNG TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ - ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

NGUYỄN ĐẶNG NGUYỆT HƯƠNG*

Tóm tắt: Mô hình “học tập phục vụ cộng đồng” đã được áp dụng tại một số trường đại học tại Việt Nam, nhưng còn khá mới mẻ với Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội. Cùng với việc áp dụng tư duy thiết kế, giảng viên đã thiết kế các hoạt động cho sinh viên hỗ trợ hoạt động cho các em học sinh câm điếc tại Trường PTCS Dân lập Dạy trẻ câm điếc Hà Nội trong giai đoạn COVID và hậu COVID. Nghiên cứu này đặc biệt chú trọng đến những lợi ích của việc áp dụng tư duy thiết kế và học tập phục vụ cộng đồng từ góc độ sinh viên, giảng viên, cơ sở đào tạo và cộng đồng, từ đó đưa ra các kiến nghị áp dụng vào quy mô rộng rãi hơn.

Từ khóa: Học tập phục vụ cộng đồng, tư duy thiết kế, Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội.

Abstract: The “community service learning” model has been applied in several universities in Vietnam, but it is still relatively new to University of Languages and International Studies - Vietnam National University, Hanoi. Along with applying the design thinking, this model has been merged with the teaching and learning activities for students in the University to assist deaf and dumb students in Hanoi Private High School of Teaching Deaf and Dumb Children during COVID and Post-COVID Era. This paper focuses on the benefits of applying the design thinking and community service learning perceived by students, lecturers, institutions and communities,

then proposes some recommendations for a broader scope.

Keywords: Community service learning, design thinking, University of Languages and International Studies - Vietnam National University, Hanoi.

1. Dẫn nhập

Mô hình “học tập phục vụ cộng đồng” bắt đầu được thử nghiệm và áp dụng tại một số trường đại học ở Việt Nam từ năm 2016 với sự tài trợ của Đại sứ quán Ireland tại Việt Nam. Đây là một mô hình tiên tiến khá phổ biến trong giáo dục đại học trên thế giới, kết hợp những ưu điểm của các phương pháp đào tạo truyền thống, thực tập và hoạt động tình nguyện, đem lại những giá trị đáng kể cho giảng viên (GV), sinh viên (SV) và chính cộng đồng nơi SV ứng dụng kiến thức chuyên ngành của mình vào việc giải quyết các vấn đề và nhu cầu của người dân trong cộng đồng. Điểm nổi bật của mô hình là SV và cộng đồng cùng học hỏi lẫn nhau, tăng cường sự hợp tác, trao đổi kiến thức chuyên môn và kiến thức bản địa, qua đó nâng cao ý thức công dân của SV đối với những vấn đề xã hội.

* TS - Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội; Email: huongndn@vnu.edu.vn

Ở Việt Nam hiện nay, một số trường đại học cũng đang tiến hành áp dụng phương pháp giảng dạy và học tập này một cách hiệu quả và đạt chất lượng nhất định. Trong bối cảnh chung đó, bước đầu áp dụng phương pháp học tập phục vụ cộng đồng (HTPVCD) trong các hoạt động học tập tại Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội cùng các trường liên quan là yêu cầu quan trọng và cần thiết, bởi lẽ HTPVCD không chỉ mang đến nhiều lợi ích cho SV, GV, cơ sở đào tạo mà còn đặc biệt có ích đối với cộng đồng.

2. Khái niệm

2.1. Học tập phục vụ cộng đồng

Có rất nhiều cách định nghĩa khác nhau về phương pháp HTPVCD. HTPVCD được biết đến với tên tiếng Anh là “community service learning” hay “community-based learning” (học tập dựa vào cộng đồng) và gần đây là “community-engaged learning” (học tập cùng cộng đồng). Khái niệm này xuất hiện từ những năm 1960 tại Mỹ và đã được nhấn mạnh trong nền giáo dục đại học ở nhiều quốc gia trên thế giới.

Jacoby đã chỉ ra rằng, HTPVCD là hình thức giáo dục kinh nghiệm mà SV tiến hành các hoạt động nhằm thỏa mãn nhu cầu của con người và cộng đồng, kết hợp với mục tiêu nâng cao khả năng học tập và phát triển của SV. Một định nghĩa chi tiết hơn về HTPVCD là phương pháp giảng dạy kết hợp phục vụ cộng đồng với sự hướng dẫn về mặt học thuật, tập trung vào suy nghĩ biểu hiện, phê phán và trách nhiệm công dân. Chương trình HTPVCD cũng được cho rằng có khả năng hướng SV trong phục vụ cộng đồng một cách có tổ chức nhằm đáp ứng nhu cầu địa phương, trong quá trình đó, phát triển kỹ năng học thuật của người học, nhận thức về trách nhiệm công dân và cam kết với cộng đồng [5].

Theo Boyer, HTPVCD khuyến khích áp dụng kiến thức vào vấn đề thực tiễn và khuyến khích các trường đại học trở thành cộng sự chủ động trong quá trình tìm kiếm giải pháp cho những vấn đề xã hội, công dân, kinh tế và đạo đức [2]. Ở góc độ sư phạm, Eyler và các cộng sự cho rằng, HTPVCD là một phương pháp sư phạm, thu hút người học vào các hoạt động phục vụ gắn kết với học tập để đảm bảo được hai mục tiêu là kết quả học tập đạt được như mong đợi và lợi ích đem lại cho cộng đồng qua trải nghiệm học tập và phục vụ [4].

Với nhiều cách tiếp cận khác nhau, HTPVCD được định nghĩa với ba đặc điểm chính bao gồm:

- 1) Mang tính phục vụ: HTPVCD nhằm đáp ứng nhu cầu con người trong một cộng đồng mà liên quan đến tình trạng của cá nhân và/hoặc tình trạng môi trường mà họ sinh sống;
- 2) Có mục tiêu học tập: mục tiêu học thuật và/hoặc mục tiêu công dân đạt được thông qua quá trình phục vụ kết hợp học tập;
- 3) Tạo cơ hội thể hiện: cơ hội cho SV thể hiện kinh nghiệm và kết nối với các mục tiêu học thuật/mục tiêu công dân được lồng ghép trong hoạt động.

2.2. Tư duy thiết kế

Kể từ mô hình ban đầu của Simon [8] và các đồng nghiệp của ông, một số biến thể của mô hình tư duy thiết kế đã được giới thiệu và ứng dụng vào các lĩnh vực khác nhau. Quá trình này bao gồm các giai đoạn khác nhau theo ba giai đoạn chính: lấy cảm hứng, lên ý tưởng và thực hiện [3]. Trong số các phiên bản khác nhau của quy trình tư duy thiết kế, mô hình được sử dụng phổ biến nhất là mô hình năm bước được tạo ra bởi Học viện Thiết kế Hasso Plattner tại Đại học Stanford, còn được gọi là Trường D. - một

trong những nhà tiên phong trong việc phát triển mô hình này trong giáo dục. Mặc dù mô hình này được tạo thành từ các bước khác nhau, nó không phải là một khung tuyến tính mà là một mô hình rất năng động cho phép lặp lại trong quá trình [7]. Theo Viện Thiết kế Hasso Plattner (Trường D.), Đại học Stanford, quá trình này bao gồm các bước cụ thể như sau:

Thấu cảm

Đây là bước đầu tiên của tư duy thiết kế nhằm mục đích hiểu sâu sắc về các vấn đề hoặc tình huống cần được giải quyết. Điều này đòi hỏi sự khám phá hiện tượng được điều tra từ các góc độ khác nhau và từ các bên liên quan khác nhau thông qua quan sát, phỏng vấn, phân tích tài liệu hoặc bất kỳ loại thông tin nào có thể thu thập được xung quanh vấn đề. Sự thấu cảm có thể được coi là thành phần cốt lõi trong quy trình vì nó khuyến khích nhà nghiên cứu hoặc nhà thiết kế bỏ qua những giả định của họ về vấn đề và tập trung nhiều hơn vào nhu cầu của “người dùng”.

Xác định vấn đề

Trong bước thứ hai, các vấn đề được xác định trong giai đoạn đầu tiên được đặt lại với nhau để cung cấp tư tưởng thiết kế, bức tranh toàn cảnh về hiện trạng, từ đó họ có thể xác định vấn đề nổi bật cần giải quyết. Trong khi xem xét các vấn đề, điều quan trọng đối với các nhà thiết kế là lấy “người dùng” làm trung tâm và tránh để những giả định của họ cản trở quyết định của họ.

Lên ý tưởng

Ở giai đoạn này, các nhà thiết kế có một cái nhìn tổng thể về tình huống mà họ đang tìm kiếm giải pháp. Dựa trên vấn đề đã xác định từ bước trước, bây giờ họ tưởng tượng ra các giải pháp mới cho vấn đề đã xác định

của họ. Điều này khuyến khích họ suy nghĩ về nhiều giải pháp nhất có thể. “Ngay cả những ý tưởng điên rồ nhất cũng được hoan nghênh vì chúng thường có thể dẫn đến những giải pháp sáng tạo nhất” [9].

Tạo mẫu thử

Ở bước này, không nhất thiết phải tạo một phiên bản hoàn hảo hoặc đắt tiền cho sản phẩm chúng ta nghĩ ra. Quan trọng hơn, nó giúp các nhà tư tưởng thiết kế liên kết trí tưởng tượng với thế giới vật chất và thực sự “nhìn thấy” giải pháp của họ, từ đó họ có thể nhận được một số phản hồi và tạo ra một nguyên mẫu cải tiến hơn. Một số nguyên mẫu có thể được thực hiện ở giai đoạn này để giúp các nhà tư tưởng thiết kế nhìn thấy các khía cạnh khác nhau của các giải pháp được thực hiện cho các vấn đề được xác định ban đầu cho đến khi họ đưa ra giải pháp cuối cùng.

Thử nghiệm

Đối với bước cuối cùng, nguyên mẫu có thể được thử nghiệm trong một nhóm nhỏ như một thử nghiệm về việc liệu các giải pháp được đề xuất có đáp ứng nhu cầu của người dùng hay không. Những nguyên mẫu như vậy có thể được chấp nhận và yêu cầu cải tiến, hoặc chúng có thể bị từ chối. Thông qua quá trình này, các nhà thiết kế hiểu rõ hơn về sản phẩm và dịch vụ của họ tối đa hóa nhu cầu của người dùng tốt nhất có thể. Tại thời điểm này, các nhà thiết kế có cơ hội nhìn lại các giai đoạn trước đó để hoàn thiện sản phẩm hoặc dịch vụ của mình. Họ thậm chí có thể bổ sung cho sự thấu cảm để có thêm thông tin họ muốn và lặp lại quy trình cho đến khi họ hài lòng với giải pháp của mình.

3. Lợi ích khi áp dụng phương pháp học tập phục vụ cộng đồng và tư duy thiết kế trong giảng dạy

Áp dụng phương pháp HTPVCD hiệu

quả và chất lượng sẽ mang đến những lợi ích đối với thanh niên, tổ chức quản lý, cộng đồng thụ hưởng và xã hội. National Service-Learning Clearinghouse trong nghiên cứu của Jacoby [5] đã nêu rõ những lợi ích nhất định.

Đối với sinh viên

Một là, giúp SV có thể mở rộng việc học tập ra ngoài phạm vi lớp học. Quá trình HTPVCD không chỉ diễn ra trong môi trường lớp học thông thường, mà SV được yêu cầu tiếp cận với cộng đồng và các hoàn cảnh thực tế để giải quyết tình huống, vấn đề hoặc nhiệm vụ mà GV yêu cầu. SV có cơ hội nâng cao chất lượng học tập của mình, tạo động lực học tập tốt trong quá trình diễn ra môn học.

Hai là, nâng cao kỹ năng giải quyết vấn đề, khả năng làm việc nhóm và khả năng lập kế hoạch. Quá trình phát hiện, xử lý, tìm kiếm giải pháp cho vấn đề và khả năng phối hợp làm việc trong nhiều nhóm khác nhau giúp SV có thêm kỹ năng học tập hiệu quả. Sau khi ra trường, đây sẽ là những kỹ năng quan trọng giúp SV có thể thành công hơn trong công việc.

Ba là, nâng cao khả năng giải quyết những thách thức, tình huống thực tế trong cuộc sống. SV có thể nhận thức tốt hơn về thực tiễn nghề nghiệp của mình thông qua quá trình va chạm hoặc đối mặt với những khó khăn trong thực tế. Điều này sẽ phần nào trở thành kinh nghiệm thực tế giúp SV có thể hình dung ra công việc, trách nhiệm sau khi ra trường.

Bốn là, nâng cao thái độ, kỹ năng, hành vi và trách nhiệm của công dân đối với xã hội và cộng đồng. Sự phát triển hoàn thiện của mỗi SV trên cơ sở gắn kết với nhà trường, gia đình và cộng đồng. HTPVCD giúp SV xây dựng được các mối quan hệ mới với cộng đồng mà SV phục vụ và học tập.

Đối với cơ sở đào tạo

Một trong những lợi ích dễ thấy nhất trong việc áp dụng phương pháp HTPVCD chính là việc đảm bảo mục tiêu phát triển kỹ năng và hội nhập cộng đồng cho SV, khuyến khích GV và SV vận dụng hiệu quả phương pháp dạy học tương tác. Thực tế cho thấy, đổi mới phương pháp giảng dạy bằng cách áp dụng phương pháp HTPVCD sẽ giúp các cơ sở đào tạo nâng cao chất lượng dạy và học. Bên cạnh đó, HTPVCD còn giúp các cơ sở đào tạo xây dựng mạng lưới quan hệ với các tổ chức cộng đồng, đóng góp cho quá trình thực hiện mục tiêu chương trình đào tạo đặt ra.

Đối với cộng đồng

Cộng đồng chính là đối tượng thụ hưởng trực tiếp những thành quả mà SV và GV cùng cơ sở đào tạo tạo ra. Về góc độ nhân lực, SV tham gia HTPVCD sẽ trở thành nguồn nhân lực trẻ, tích cực, chủ động học hỏi và sẵn sàng hỗ trợ, phục vụ cộng đồng. Ngoài ra, với vai trò tương tác, cộng đồng cũng trở thành nơi giúp SV kiểm chứng kiến thức, tích lũy kinh nghiệm và đề xuất những hướng đi mới cho chính cộng đồng mà SV phục vụ thông qua những cách tiếp cận mới. Hơn nữa, cộng đồng có xu hướng trở thành đối tác liên kết với các cơ sở đào tạo trong nhiều hoạt động khác nhau.

Ngoài những lợi ích đã phân tích trên, phương pháp HTPVCD thực sự cần thiết để được áp dụng và triển khai thuận lợi trong việc giảng dạy với một số lý do. *Thứ nhất*, thúc đẩy và nâng cao vai trò của SV trong quá trình tự xây dựng kiến thức, là một trong những lý do quan trọng trong việc áp dụng phương pháp HTPVCD trong giảng dạy các ngành nghề cụ thể. *Thứ hai*, thay đổi vai trò của GV từ vị trí trung tâm của việc dạy, GV sẽ chuyển sang vị trí là người dẫn

dắt, hướng dẫn và hỗ trợ SV giải quyết và xử lý các nhiệm vụ, vấn đề xảy ra ngoài lớp học. *Thứ ba*, áp dụng phương pháp HTPVCĐ trong giảng dạy đại học các khối ngành nghề sẽ phù hợp với xu hướng phát triển của giáo dục nói chung và giáo dục đại học nói riêng. Phương pháp này lấy người học làm trung tâm, di chuyển từ làm việc cá nhân sang hướng hợp tác, cộng tác liên ngành, sự thay đổi từ vị trí giáo dục đại học bị cô lập, tách rời sang một cách tiếp cận công khai và dân chủ trong học tập. *Sau cùng*, hoạt động HTPVCĐ được thiết kế và triển khai luôn đảm bảo sự gắn kết một cách có chủ ý giữa kinh nghiệm phục vụ dựa trên mục tiêu học tập; tính chặt chẽ và có tổ chức xuyên suốt quá trình; tính liên tục; tính phản hồi và đánh giá; luôn làm rõ các giá trị đạt được.

4. Phương thức và quy trình áp dụng tư duy thiết kế trong học tập phục vụ cộng đồng tại Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội

Trong thực tiễn giáo dục của nhiều quốc gia trên thế giới, có một số cách thức để áp dụng HTPVCĐ hiệu quả. Một là, HTPVCĐ được thiết kế và xây dựng thành một môn học cụ thể nằm trong khung chương trình đào tạo. Hai là, HTPVCĐ được tổ chức là một chương trình hoạt động ngoại khóa có tính chất bắt buộc. Ba là, HTPVCĐ được lồng ghép trong chính từng môn học cụ thể, đặc biệt là các môn học có thời lượng thực hành tương đối nhiều. Việc áp dụng lồng ghép có thể thực hiện từng bước. Quy trình áp dụng HTPVCĐ được thực hiện trải qua một số bước theo các giai đoạn mà Kaye [6] phân tích với 5 giai đoạn chính mà GV lưu ý khi áp dụng HTPVCĐ. Đây cũng chính là các bước trong tư duy thiết kế đã được phổ biến cho SV trước khi tiến hành hoạt động.

Giai đoạn khám phá và khảo sát - Bước thấu cảm

Để tiếp cận cộng đồng, SV cần xác định nhu cầu của cộng đồng bằng một số phương pháp xã hội học như đào sâu nghiên cứu, phỏng vấn, điều tra nhu cầu cộng đồng, thậm chí sinh hoạt cùng cộng đồng (dấn thân vào cộng đồng cần trợ giúp) để biết cộng đồng quan tâm vấn đề gì, từ đó xác định nhu cầu của cộng đồng.

Trường PTCS Dân lập Dạy trẻ câm điếc Hà Nội là ngôi trường nhỏ dành cho các em câm điếc có hoàn cảnh khó khăn tại Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Hà Nội. Nghiên cứu được thực hiện trong giai đoạn từ tháng 11 năm 2020 đến tháng 11 năm 2021, bao gồm cả giai đoạn học trực tiếp và giai đoạn học trực tuyến do giãn cách xã hội. SV được các GV liên hệ và có cơ hội đến Trường phỏng vấn về các vấn đề cũng như nhu cầu của các em học sinh, giáo viên, phụ huynh. SV cũng tự tìm hiểu các đặc điểm tâm sinh lý của trẻ em câm điếc thông qua sách vở, phỏng vấn trực tiếp với giáo viên và phụ huynh, cũng như tham gia vào một số lớp học tại Trường.



Hình ảnh các bạn sinh viên đang nói chuyện với các học sinh được nhóm nghiên cứu chụp tại Trường PTCS Dân lập Dạy trẻ câm điếc Hà Nội trong giai đoạn nghiên cứu

Giai đoạn chuẩn bị và lập kế hoạch - Bước xác định vấn đề và lên ý tưởng

Với sự hướng dẫn của GV, SV xác định các yêu cầu cần thiết trong hoạt động phục

vụ cộng đồng. Đây chính là bước xác định vấn đề trong tư duy thiết kế. Sau các quá trình nghiên cứu, trực tiếp tham gia vào các hoạt động, quan sát và phỏng vấn học sinh, giáo viên và phụ huynh tại Trường, nhóm SV đã phát hiện ra một số đặc điểm cũng như vấn đề của các em, bao gồm có việc Trường có nhu cầu tổ chức các hoạt động ngoại khóa thường kỳ trong giai đoạn giảng dạy trực tiếp và các em cũng có nhu cầu giao lưu với các bạn, tổ chức các hoạt động ngoại khóa trong giai đoạn giảng dạy trực tuyến (do tình hình dịch COVID). SV có thể học tập nhiều kiến thức mới, tiến hành lập kế hoạch chặt chẽ, hợp lý.

Với các thông tin đã có được, các nhóm SV đã lên ý tưởng và chọn 2 hoạt động cho 2 giai đoạn giảng dạy trực tiếp và trực tuyến. Với hoạt động giảng dạy trực tiếp, SV tổ chức các hoạt động giảng dạy và học tập môn tiếng Anh cho các em tại lớp; trong khi đó với hoạt động trực tuyến, lớp học về sketchnote cho các em với các video bài giảng có lồng ghép ngôn ngữ ký hiệu đã được xây dựng để các em học sinh có thể theo dõi tại nhà và thực hiện các hoạt động theo cuốn sổ tay được thiết kế kèm theo. Trong giai đoạn này, SV cần tiếp tục chuẩn bị một số nội dung về dự án, kế hoạch với từng bước thực hiện; phương tiện di chuyển, hậu cần, trang phục, an toàn cá nhân, những vật dụng cần mang theo và những vấn đề liên quan; thái độ ứng xử tại cộng đồng cho phù hợp. Ngoài ra, GV cần chuẩn bị tâm lý cho SV trước và trong khi tham gia phục vụ cộng đồng như những lo lắng, cảm xúc, mong đợi của SV. Mặt khác, GV cũng cần đào tạo cho SV để hoàn thành công việc phục vụ cộng đồng.

Giai đoạn hành động - Bước thử nghiệm/tạo mẫu

Đây là giai đoạn mà SV bắt đầu tiếp cận và gia nhập cộng đồng. Hay nói cách khác,

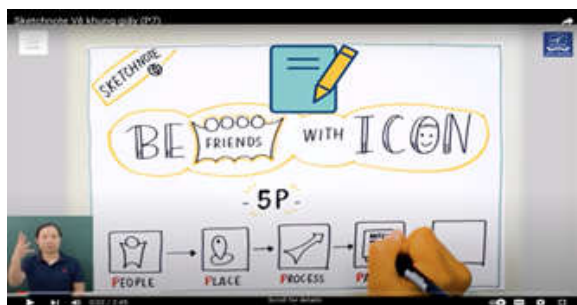
SV bắt đầu các hoạt động phục vụ của mình bằng cách tham gia trực tiếp hoặc gián tiếp. SV sử dụng kiến thức, kỹ năng đã được học trong lớp và trong quá trình chuẩn bị, lập kế hoạch để phục vụ cộng đồng. Với các hoạt động giảng dạy trực tiếp, SV kết hợp với các giáo viên ngôn ngữ ký hiệu tại Trường tổ chức các hoạt động ngoại khóa học tập môn tiếng Anh, cảm thụ âm nhạc cho các em vào thứ 4 và thứ 5 hàng tuần sau mỗi giờ học chính khóa. Các hoạt động này thường kéo dài 40 đến 45 phút, tương đương 1 tiết học của các em, bao gồm các hoạt động nhỏ kết hợp với các trò chơi để các em có thể tiếp cận nội dung học dễ dàng hơn. Các nội dung học đều được GV tư vấn, kết hợp với sự hỗ trợ của giáo viên ngôn ngữ ký hiệu tại Trường và thường đều có sự điều chỉnh sau mỗi giờ dạy. Nội dung giảng dạy cũng được thay đổi theo nhu cầu và đặc điểm của các em học sinh, không bó buộc vào các nội dung đã chuẩn bị sẵn.



Hình ảnh các bạn sinh viên đang tổ chức hoạt động trên lớp cho các em học sinh tại Trường được nhóm nghiên cứu chụp tại trong giai đoạn nghiên cứu

Khi tình hình dịch diễn biến nghiêm trọng hơn, các em học sinh tại Trường PTCS Dân lập Dạy trẻ câm điếc Hà Nội dừng mọi hình thức học trực tiếp và trên thực tế cũng không có các hình thức học trực tuyến do điều kiện gia đình, công việc của bố mẹ không thể hỗ trợ. Sau quá trình hỏi ý kiến giáo viên tại Trường cũng như phụ huynh và học sinh, việc tiếp tục giảng

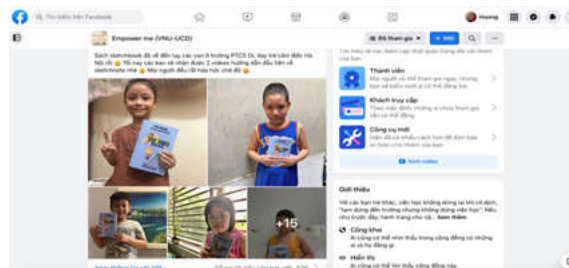
dạy tiếng Anh và âm nhạc được nhìn nhận là khó có thể tiếp tục tiến hành. Nhu cầu được giao tiếp, được biết thông tin của bạn bè trong lớp, cũng như được tham gia vào các hoạt động của các em là rất lớn. Do đó, nhóm SV có ý tưởng làm một khóa học sketchnote sử dụng các tài liệu học sẵn có tại Trường Đại học Ngoại ngữ và làm thành video học tập có ngôn ngữ ký hiệu cho các em. Hoạt động này sẽ cần sự hỗ trợ của phụ huynh, tuy nhiên thông qua việc các em có các thử thách hàng tuần, việc giao lưu với các bạn cùng lớp, cùng trường sẽ được tốt hơn. Các video được lồng ngôn ngữ ký hiệu, đăng lên trên Youtube hàng tuần, trong khi các em học sinh sẽ nhận được sổ tay với các nội dung và các thử thách để có thể tham gia với các bạn. Các nội dung trong video được làm phụ đề để phục vụ cho các em học sinh gặp khó khăn với thính lực không tốt, kèm video ngôn ngữ ký hiệu.



Hình ảnh cắt từ video giảng dạy sketchnote

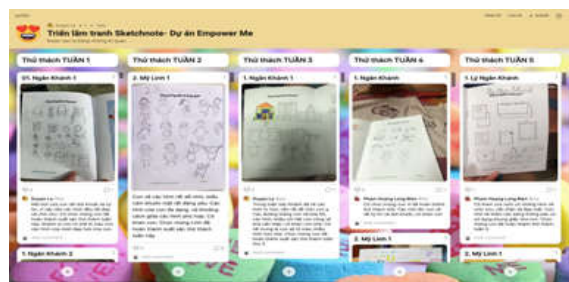
Nhóm SV cũng lập một trang fanpage trên Facebook để kêu gọi các em học sinh cùng lứa tuổi tham gia vào các thử thách hàng tuần. Các em học sinh đều nhận được một cuốn sổ tay sketchnote tóm tắt lại nội dung học từng tuần và kèm theo thử thách (như một dạng bài tập về nhà) cho các em. Một nhóm Zalo cũng được lập nên để phụ huynh có thể hỗ trợ các em nộp bài.

Các em học sinh sẽ nhận link Youtube vào thứ 6 hàng tuần và có thời gian xem



Hình ảnh cắt từ fanpage Facebook về Dự án giảng dạy sketchnote

video, học theo và làm những thử thách theo nội dung từng tuần. Bố mẹ các em sẽ hỗ trợ gửi các sản phẩm các em làm theo thử thách qua nhóm Zalo tới các chuyên gia. Các thầy cô này sẽ xem, nhận xét cho từng học sinh, cũng như lựa chọn người chiến thắng thử thách các tuần để giành giải của tuần đó.



Hình ảnh cắt từ trang trưng bày sản phẩm các thử thách trong dự án giảng dạy sketchnote

Mỗi tuần, các sản phẩm của các học sinh đều sẽ được thẩm định và được các thầy cô đưa ra những nhận xét để có thể cải thiện ở các tuần tiếp theo. Nhóm SV cập nhật các hoạt động trên trang Facebook và Zalo, Padlet trưng bày các thử thách tuần của các em học sinh. Trong giai đoạn hành động, SV sẽ nhận thức được những khó khăn, trở ngại, cách để vượt qua những khó khăn đó, tìm kiếm những kiến thức mới, bài học mới qua những thất bại nếu có. Giai đoạn này cần tập trung một số nội dung như vấn đề hay nhóm cộng đồng nào SV sẽ tập trung phục vụ, SV phục vụ cá nhân hay nhóm cộng đồng; hoạt động HTPVCD sẽ diễn ra ở đâu; SV sẽ phục vụ trực tiếp cộng đồng hay gián tiếp thông

qua đối tượng khác hoặc do SV ở xa khu vực cộng đồng cần phục vụ; thời gian phục vụ diễn ra thường xuyên hay không theo lịch trình, các ngày trong tuần hay cuối tuần; những tài liệu, vật dụng cần thiết hay các hỗ trợ khác do ai cung cấp,...

Giai đoạn phản ánh - Bước kiểm tra

Giai đoạn phản ánh đòi hỏi GV hướng dẫn SV sử dụng các phương pháp khác nhau như thảo luận, viết báo cáo,... Trong giai đoạn này, SV cần nhận diện, mô tả những điều đã diễn ra trên cơ sở quan sát, trải nghiệm. Đặc biệt, SV cần chia sẻ, thảo luận những cảm nhận, suy nghĩ, kinh nghiệm của bản thân thông qua thảo luận nhóm, tọa đàm,... Ngoài ra, việc xem xét, tìm kiếm những ý tưởng, giải pháp cho vấn đề và nhận phản hồi, đánh giá từ các thành viên tham gia, từ cộng đồng cũng là những nội dung cần thực hiện trong giai đoạn này. Đây là giai đoạn cần thiết để phân biệt với các hoạt động tình nguyện và tham gia phục vụ cộng đồng khác.

Với hoạt động học trực tiếp, nhóm SV ban đầu cũng sử dụng tư liệu thường dùng trong các lớp học tiếng Anh trẻ em, tuy nhiên, SV cũng nhận ra khả năng tiếp thu của học sinh cầm điếu không được như mong đợi. Do đó, SV đã có những điều chỉnh về mục tiêu, cũng như kỳ vọng của từng buổi học. Các nội dung học được đơn giản hóa, giảm bớt về mặt khối lượng và tập trung nhiều vào từ vựng, bỏ bớt phần ngữ pháp, do trên thực tế, giao tiếp của học sinh cầm điếu thường chỉ tập trung ghép các từ chỉ nội dung. Các hoạt động cũng được giảm bớt về mặt số lượng, tập trung nhiều vào vận động và các hoạt động ghi nhớ mặt chữ.

Với hoạt động học trực tuyến, sau một thời gian thực hiện, nhóm SV nhận thấy phụ huynh có xu hướng gặp khó khăn trong việc hỗ trợ các con nộp bài do điều kiện công việc

hoặc do các con ở xa (về quê với ông bà để bố mẹ còn đi làm trên Hà Nội) nên các hoạt động nói lỏng và thay đổi cấu trúc bài học sketchnote cũng được tiến hành. Học sinh được động viên nộp bài, dù muộn; thời lượng học được rút ngắn từ 15 thành 10 tuần và các nội dung còn lại được giảng dạy trực tiếp tại lớp sau khi Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội cho phép các em quay lại Trường.

Có thể nhận thấy, bước tạo mẫu này chính là bước đưa các ý tưởng vào thực tế và biến các ý tưởng đó thành hiện thực. Nhóm SV cũng đã có những thay đổi phù hợp với đặc điểm cũng như mong muốn của học sinh cầm điếu, nhằm đạt được giải pháp tối ưu nhất cho đối tượng này.

Giai đoạn biểu hiện - Chiêm nghiệm

Qua quá trình HTPVCD, SV sẽ thu nhận được những kiến thức, kỹ năng, trải nghiệm mới. Quá trình biểu hiện chính là giai đoạn giúp SV chứng minh được những điều đã được học, được trải nghiệm thông qua các báo cáo cuối học phần, các bài viết, sản phẩm, bài thuyết trình, tranh ảnh,... Nhìn chung, đây là giai đoạn mà SV thể hiện kết quả cuối cùng của quá trình HTPVCD. Dựa trên kết quả đạt được, SV sẽ nhận được những đánh giá, phản hồi từ GV, cộng đồng và các tổ chức, cá nhân liên quan. Việc xây dựng tiêu chí để đánh giá quá trình HTPVCD của SV trong cộng đồng là giai đoạn quan trọng. Ngoài ra, kết hợp trong giai đoạn này, đánh giá bao gồm các thành phần đánh giá đó là GV, cộng đồng và chính bản thân SV.

Nhìn chung, để HTPVCD áp dụng trong việc giảng dạy hiệu quả đòi hỏi cơ sở đào tạo, GV chịu trách nhiệm từng môn học xây dựng quy trình chặt chẽ, có kiểm soát, phù hợp với điều kiện thực tế. Tuy nhiên, khi tổ chức, áp dụng HTPVCD thì GV cần lưu ý: Một là, xác định mối quan hệ mật thiết và

tương đồng giữa nhu cầu thực sự của cộng đồng với chuẩn đầu ra mong đợi của môn học. Để thực hiện được điều này, GV phải có quá trình tìm hiểu, khảo sát và nghiên cứu nhu cầu của cộng đồng, phối hợp với cộng đồng để thiết kế yêu cầu cho SV, phù hợp với chuẩn đầu ra mong đợi, nêu lên dự án cho SV thực hiện hoặc những vấn đề cần giải quyết liên quan trực tiếp đến chuẩn đầu ra; Hai là, GV - cộng đồng - SV cần có sự liên lạc, gắn kết chặt chẽ trong suốt quá trình diễn ra hoạt động HTPVCĐ nhằm kịp thời hướng dẫn, hỗ trợ và giám sát SV. Hay nói cách khác, GV cần chuẩn bị cho SV những gì cần thiết để thực hiện được nhiệm vụ yêu cầu. Mỗi liên hệ này giúp GV kịp thời xác lập các yêu cầu, giúp SV thể hiện được năng lực và kỹ năng của mình trong quá trình giải quyết vấn đề. Trong quá trình HTPVCĐ, GV đánh giá những điểm SV còn thiếu để kịp thời cung cấp, giảng dạy và hướng dẫn SV những kiến thức mới, cần thiết, hỗ trợ SV hoàn thành nhiệm vụ tốt hơn; Ba là, GV cần xây dựng nhiều hình thức đánh giá khác nhau, ghi nhận đánh giá, phản hồi khách quan từ phía cộng đồng. Ngoài ra, SV cũng là một trong những kênh tự đánh giá. Như vậy, việc kết hợp các hình thức đánh giá sẽ giúp GV có được kết quả khách quan và công bằng nhất cho SV.

5. Kết luận

Có thể nhận thấy, với mỗi môn học khác nhau của từng giảng viên có phương pháp giảng dạy khác nhau, việc áp dụng phương pháp HTPVCĐ dựa trên tính chất tự nguyện với sự cam kết của từng giảng viên trong môn học mà họ đảm trách. Đây có thể được xem là phương pháp có nhiều ưu điểm nổi bật, đáng được vận dụng và triển khai cho nhiều môn học trong chương trình đào tạo đại học nói chung. Vì vậy, trước khi tiến hành áp dụng phương pháp HTPVCĐ trong giảng

dạy, GV cần nhận diện rõ những ưu điểm mà phương pháp này mang lại. Từ đó, GV có thể xây dựng kế hoạch, áp dụng các bước thực hiện và các mô hình phù hợp nhằm đảm bảo hoạt động giảng dạy, học tập đạt hiệu quả thực sự, đề hướng đến mục tiêu học tập và phục vụ cộng đồng được đưa vào trong chương trình đào tạo.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Nguyễn Thị Huyền, Phan Nguyễn Ái Nhi, Lê Mỹ Loan Phụng, *Học tập phục vụ cộng đồng trong môi trường giáo dục*, Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Tp. Hồ Chí Minh, tr.1-8, 2013.
- [2] Boyer, E. L., *Scholarship Reconsidered: Priorities of the Professoriate*, The Carnegie Foundation for the Advancement of Teaching, New York, 1990.
- [3] Brown, T., Wyatt, J., "Design thinking for social innovation", *Stanford Social Innovation Review*, Winter 2010.
- [4] Eyler, J., Dwight E. G., Stenson C. M., and Gray C. J., *At a Glance: What we know about the effects of service-learning on college students, faculty, institutions, and communities*, 3rd edition, Vanderbilt University, Nashville, 2001.
- [5] Jacoby, B., *Building Partnerships for Service-Learning*, Jossey-Bass, San Francisco, 2003.
- [6] Kaye, C. B., *The Complete Guide to Service Learning: Proven, Practical Ways to Engage Students in Civic Responsibility, Academic Curriculum, and Social Action*, Free Spirit Publishing, Huntington Beach, 2010.
- [7] Scheer, A., Noweski, C., Meinel, C., "Transforming Constructivist Learning into Action: Design Thinking in Education", *Design and Technology Education: An International Journal*, Vol.17, No.3, pp.8-19, 2012.
- [8] Simon, H. A., *The Sciences of the Artificial*, MIT Press, Cambridge, 1969.
- [9] Wesselink, R., Biemans, H., Gulikers, J., and Mulder, M., "Models and Principles for Designing Competence-based Curricula, Teaching, Learning and Assessment", in Mulder, M. (Editor), *Competence-based Vocational and Professional Education: Bridging the Worlds of Work and Education*, Springer, Berlin, 2017.